

Bản án số: 13/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 29/10/2019

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ – THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ **Các Hội thẩm nhân dân:**

1 – Ông Lý Ba Duy.

2 – Ông Bùi Tiến Chung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 08 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Ứng Thị A - Sinh năm 1983.**

Địa chỉ: LD – TX – V – Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên.

(Có mặt)

***Bị đơn: Anh Đào Việt B – Sinh năm 1983.**

Địa chỉ: LD – TX – V – Thái Nguyên

Dân tộc: Kinh. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ứng Thị A trình bày: Chị và anh Đào Việt B năm 2005 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn B – huyện C - tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình chung sống, anh chị có 2 con chung là cháu Đào F1 - Sinh ngày 19/11/2006 và cháu Đào F2 - Sinh ngày 14/12/2012.

Về tài sản chung và nợ chung : Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nên thường cãi nhau, anh B không có trách nhiệm với gia đình và con cái, bỏ bê cho chị chăm sóc 2 đứa con cho đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Đào Việt B.

Về con chung: Do hai cháu còn nhỏ, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu anh Đào Việt B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi các cháu trưởng thành, mức cấp dưỡng chị đề nghị 500.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Đào Việt B sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để anh B đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh B trốn tránh không đến, nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bến V** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ứng Thị A, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đào Việt B.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Ứng Thị A được ly hôn anh Đào Việt B.

-Về con chung: Giao cháu Đào F1 – Sinh ngày 19/11/2006 và cháu Đào F2 – Sinh ngày 14/12/2012 cho chị Ứng Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu Thu mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Thu tròn 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Thái mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Thái tròn 18 tuổi.

Anh B có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không có và không yêu cầu.

-Về án phí: Nguyên đơn chị Ứng Thị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa chị Ứng Thị A và anh Đào Việt B.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Ứng Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Đào Việt B nên chị Ứng Thị A là nguyên đơn, anh Đào Việt B là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị A: Cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Theo chị A thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị hoà thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nên thường cãi nhau, anh B không có trách nhiệm với gia đình và con cái, bỏ bê cho chị chăm sóc 2 đứa con cho đến nay. Căn cứ biên bản xác minh ngày 24/09/2019 của TAND Bện V tại địa phương, xác định quá trình chung sống chị A và anh B có xảy ra mâu thuẫn, cách đây vài năm cũng đã có ý định ly hôn. Xét cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ứng Thị A.

[4] Về con chung: Anh B và chị A có 02 con chung là cháu Đào F1 sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và cháu Đào F2 Sinh ngày 14 tháng 12 năm 2012. Xét nguyện vọng được nuôi con của chị A thấy chị A là giáo viên có thu nhập ổn định, hiểu biết tâm sinh lý của trẻ, đồng thời nguyện vọng của các cháu cũng muốn ở với mẹ. Do vậy, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Đào F1 sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và cháu Đào F2 Sinh ngày 14 tháng 12 năm 2012 cho chị Ứng Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa chị A yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, do vậy cần buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu Thu mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Thu tròn 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu Thái mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu Thái tròn 18 tuổi.

Chị A và anh B cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu Thu, cháu Thái theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ứng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bến V tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Ứng Thị A được ly hôn anh Đào Việt B.

2. Về con chung: Giao cháu Đào F1 - Sinh ngày 19 tháng 11 năm 2006 và cháu Đào F2 – Sinh ngày 14 tháng 12 năm 2012 cho chị Ứng Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Đào Việt B phải cấp dưỡng nuôi cháu F1 mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu F1 tròn 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi cháu F2 mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu F2 tròn 18 tuổi.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị A cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F1 và cháu F2.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ứng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007419 ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Đương sự còn phải chịu lãi xuất theo Điều 357 - BLDS đối với khoản tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND;
- UB xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn